

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 614/GDĐT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Về triệu tập giáo viên tiếng Anh  
cấp THPT (Khóa 1) tham gia buổi  
kiểm tra đánh giá cuối khóa bồi dưỡng  
tại EMG.

|                            |                 |
|----------------------------|-----------------|
| TRƯỞNG CỘNG T. LÝ TỰ TRỌNG |                 |
| CV<br>ĐẾN                  | Số: 172         |
|                            | Ngày: 11/3/2015 |
|                            | Chuyên: kèm;    |
|                            | Lưu hồ sơ       |

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Trung học Phổ thông (danh sách cụ thể đính

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được văn bản số 02/03-2015 BDGV ngày 7 tháng 3 năm 2015 của công ty Cổ phần quản lý Giáo dục và Đầu tư EMG về triệu tập học viên cho kỳ kiểm tra xác định trình độ hiện tại;

Do một số giáo viên tiếng Anh vắng mặt trong các buổi kiểm tra cuối cấp độ trong quá trình tham gia bồi dưỡng tại EMG trong thời gian vừa qua, để tiếp tục lên kế hoạch cho đợt bồi dưỡng kế tiếp, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo triệu tập các giáo viên tiếng Anh khối Trung học Phổ thông (danh sách cụ thể đính kèm) tham gia buổi kiểm tra đánh giá cuối khóa bồi dưỡng, cụ thể như sau:

1. Thời gian:

Thi Nghe, Đọc, Viết: 8h00- 11h00 Thứ bảy 14/3/2015

2. Địa điểm: Tòa nhà ITAXA, số 124-126 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị thông báo thông báo lịch kiểm tra đến các giáo viên tiếng Anh của đơn vị để tham dự đầy đủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu (VP, TCCB)

TL. GIÁM ĐỐC  
KT. TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

(đã ký)

Bùi Ngọc Âu



**DANH SÁCH HỌC VIÊN  
THAM GIA KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH  
CUỐI CẤP ĐỘ BỒI DƯỠNG (BỔ SUNG)**

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | TRƯỜNG                    | LỚP   |
|-----|-------------------|-------|---------------------------|-------|
| 1   | Vũ Khiêm          | Ái    | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 2   | Võ Đặng Thị Thùy  | Ái    | THPT Nguyễn Du            | A2/ 2 |
| 3   | Bùi Thị Phương    | Ăm    | THPT Tân Phong            | B1/ 2 |
| 4   | Đoàn Thị Kim      | Anh   | THPT Hoàng Hoa Thám       | B1/ 6 |
| 5   | Nguyễn Khoa Quỳnh | Anh   | THPT Nam Sài Gòn          | B1/ 2 |
| 6   | Lê Công           | Anh   | THPT Nguyễn Thái Bình     | B1/ 6 |
| 7   | Cao Thị Diệu      | Anh   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B2/ 1 |
| 8   | Trương Thị Tuyết  | Anh   | THPT Phú Nhuận            | B1/ 4 |
| 9   | Nguyễn Ngọc Chiêu | Anh   | THPT Phú Nhuận            | B2/ 2 |
| 10  | Đặng Kiều         | Anh   | TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh  | B1/ 2 |
| 11  | Phạm Văn          | Ánh   | THPT Hùng Vương           | B1/ 2 |
| 12  | Trần Lâm          | Bạch  | CD KT-KT Phú Lâm          | A2/ 1 |
| 13  | Lê Đình           | Bảo   | THPT Hùng Vương           | B1/ 1 |
| 14  | Nguyễn Thị Xuân   | Bích  | THPT Lê Thánh Tôn         | B1/ 2 |
| 15  | Mai Thị Xuân      | Bích  | THPT Trưng Vương          | B1/ 5 |
| 16  | Bùi Xuân          | Bính  | THPT Nguyễn Thái Bình     | B2/ 2 |
| 17  | Dương Thị Hương   | Bình  | THPT Hùng Vương           | B1/ 5 |
| 18  | Đoàn Văn          | Chất  | THPT Nguyễn An Ninh       | A2/ 2 |
| 19  | Bùi Minh          | Châu  | THPT Lê Hồng Phong        | B1/ 2 |
| 20  | Lê Minh           | Châu  | THPT Lê Hồng Phong        | B2/ 3 |
| 21  | Trần Thị Vân      | Châu  | THPT Nguyễn Công Trứ      | B2/ 4 |
| 22  | Nguyễn Thùy       | Châu  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B1/ 5 |
| 23  | Huỳnh Thụy Bảo    | Châu  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B1/ 2 |
| 24  | Bùi Thị Thanh     | Châu  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 3 |
| 25  | Đỗ Mai            | Chi   | THPT Hùng Vương           | A2/ 1 |
| 26  | La Huỳnh Uyên     | Chi   | THPT Lê Hồng Phong        | B1/ 2 |
| 27  | Hồ Khánh          | Chi   | THPT Nguyễn Thái Bình     | B1/ 6 |
| 28  | Nguyễn Thị Kim    | Chi   | THPT Sương Nguyệt Anh     | B1/ 5 |
| 29  | Phan Thị Bích     | Chi   | THPT Tân Phong            | A2/ 1 |
| 30  | Ngô Thị Yên       | Chu   | THPT Võ Thị Sáu           | B1/ 4 |
| 31  | Ngô Hữu           | Chung | TTGDTX Phú Nhuận          | B1/ 6 |
| 32  | Trần Thị Bạch     | Đào   | TC KT&NV Nam Sài Gòn      | B2/ 1 |
| 33  | Huỳnh Thị Ánh     | Diễm  | THPT Phú Nhuận            | B2/ 2 |
| 34  | Nguyễn Đình       | Diễn  | THPT Nguyễn Công Trứ      | B2/ 2 |
| 35  | Phạm Thị Phương   | Diễn  | THPT Nguyễn An Ninh       | B2/ 1 |
| 36  | Trương Nữ Ngọc    | Diệp  | THPT Lê Quý Đôn           | B2/ 1 |
| 37  | Nguyễn Thành      | Đức   | THPT Marie Curie          | B1/ 1 |



|    |                    |       |                           |       |
|----|--------------------|-------|---------------------------|-------|
| 38 | Nguyễn Minh        | Đức   | THPT Nguyễn Công Trứ      | B2/ 4 |
| 39 | Đỗ Thị             | Dung  | CD CN Thủ Đức             | B2/ 2 |
| 40 | Nguyễn Mai Thùy    | Dung  | THPT Gia Định             | B1/ 6 |
| 41 | Lê Thị Xuân        | Dung  | THPT Gò Vấp               | B1/ 3 |
| 42 | Nguyễn Thị         | Dung  | THPT Hoàng Hoa Thám       | B1/ 4 |
| 43 | Phạm Thị Mỹ        | Dung  | THPT Lê Hồng Phong        | B2/ 1 |
| 44 | Nguyễn Ngọc Lan    | Dung  | THPT Nguyễn Trung Trực    | B1/ 4 |
| 45 | Hà Thị Mỹ          | Dung  | THPT Tân Phong            | A2/ 2 |
| 46 | Nguyễn Thị Lan     | Dung  | THPT Trưng Vương          | B1/ 1 |
| 47 | Vũ Thụy Thùy       | Dương | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B2/ 2 |
| 48 | Bùi Thị Mỹ         | Duyên | THPT Trưng Vương          | B1/ 2 |
| 49 | Lê Thị Hương       | Giang | THPT Lê Hồng Phong        | B2/ 3 |
| 50 | Nguyễn Hoàng Thanh | Giang | THPT Nguyễn Trung Trực    | B1/ 3 |
| 51 | Lê Thị Hà          | Giang | THPT THPT Thanh Đa        | B2/ 2 |
| 52 | Trương Thị Minh    | Hà    | CD KT Lý Tự Trọng         | A2/ 3 |
| 53 | Võ Thị Thu         | Hà    | THPT Diên Hồng            | B1/ 1 |
| 54 | Nguyễn Công        | Hải   | THPT Nguyễn Thị Diệu      | B1/ 1 |
| 55 | Nguyễn Thị Thanh   | Hải   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B1/ 1 |
| 56 | Quản Trọng Thúy    | Hải   | TTGDTX Q3                 | A2/ 1 |
| 57 | Phạm Ngọc          | Hân   | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B2/ 4 |
| 58 | Trần Thị           | Hằng  | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B1/ 3 |
| 59 | Lê Thị Thu         | Hằng  | THPT Trần Hưng Đạo        | B1/ 4 |
| 60 | Nguyễn Thị         | Hạnh  | THPT Nguyễn Chí Thanh     | A2/ 3 |
| 61 | Bùi Thị            | Hạnh  | THPT Hàn Thuyên           | A2/ 3 |
| 62 | Hoàng Đoan         | Hạnh  | THPT Nguyễn Thị Diệu      | B1/ 2 |
| 63 | Huyền Thị Ngọc     | Hạnh  | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B1/ 3 |
| 64 | Nguyễn Thị Bích    | Hạnh  | THPT Nguyễn Trung Trực    | B1/ 6 |
| 65 | Huyền Tôn Nữ Tịnh  | Hào   | THPT Nguyễn Công Trứ      | A2/ 3 |
| 66 | Nguyễn Thị Thanh   | Hào   | THPT Trưng Vương          | B1/ 2 |
| 67 | Nguyễn Thị         | Hiên  | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 68 | Lê Thị Hữu         | Hiên  | THPT Diên Hồng            | B1/ 1 |
| 69 | Lê Thị Thu         | Hiên  | THPT Ten Lơ Man           | B2/ 1 |
| 70 | Võ Thị Thu         | Hiên  | THPT Trưng Vương          | B1/ 2 |
| 71 | Phạm Thị Kim       | Hoa   | CD CN Thủ Đức             | B1/ 4 |
| 72 | Phạm Thái          | Hòa   | THPT Nguyễn An Ninh       | A2/ 2 |
| 73 | Đinh Xuân          | Hòa   | THPT Nguyễn Thị Diệu      | B1/ 1 |
| 74 | Ngô Kim            | Hòa   | THPT Trần Hưng Đạo        | B1/ 4 |
| 75 | Nguyễn Minh        | Hồng  | THPT Gia Định             | B2/ 2 |
| 76 | Cao Thị Ánh        | Hồng  | THPT Trần Khai Nguyên     | B1/ 5 |
| 77 | Lê Tân             | Hùng  | CD CN Thủ Đức             | B2/ 2 |
| 78 | Phạm               | Hùng  | THPT Marie Curie          | B1/ 1 |
| 79 | Nguyễn Thị Ninh    | Hưng  | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 80 | Vũ Thị Kỳ          | Hương | THPT THPT Hùng Vương      | A2/ 1 |



|     |                      |       |                           |       |
|-----|----------------------|-------|---------------------------|-------|
| 81  | Phạm Ngọc Diễm       | Hương | THPT Nguyễn Khuyến        | A2/ 2 |
| 82  | Nguyễn Thị Thu       | Hương | THPT Nguyễn Trãi          | B1/ 1 |
| 83  | Đinh Thị Thu         | Hương | THPT Ten Lữ Man           | B1/ 5 |
| 84  | Đặng Thị Lan         | Hương | THPT Võ Thị Sáu           | B1/ 6 |
| 85  | Trương Xuân          | Huyền | THPT Gia Định             | B1/ 4 |
| 86  | Tô Nguyên            | Khanh | THPT Thanh Đa             | B1/ 6 |
| 87  | Lưu Thị Đoàn         | Khánh | THPT Marie Curie          | B1/ 2 |
| 88  | Nguyễn Trần Phương   | Khánh | THPT Nguyễn An Ninh       | A2/ 2 |
| 89  | Nguyễn Ngọc          | Khánh | THPT Nguyễn Thái Bình     | B1/ 3 |
| 90  | Vũ Bảo               | Khánh | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B1/ 2 |
| 91  | Trần Đình            | Khoa  | CD KT TPHCM               | B1/ 5 |
| 92  | Võ Mai Quỳnh         | Khoa  | THPT Nguyễn Khuyến        | A2/ 2 |
| 93  | Võ Thị Hồng          | Lan   | CD KT Lý Tự Trọng         | A2/ 3 |
| 94  | Trần Thị Hoàng       | Lan   | THPT Gò Vấp               | B2/ 2 |
| 95  | Trần Nguyễn Thụy Tho | Lan   | THPT Lê Quý Đôn           | B2/ 3 |
| 96  | Nguyễn Thị Xuân      | Lan   | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 97  | Võ Thị Bích          | Lan   | THPT Nguyễn Khuyến        | B2/ 1 |
| 98  | Phạm Thị Ngọc        | Lan   | THPT Phan Đăng Lưu        | B2/ 2 |
| 99  | Đỗ Thị Ngọc          | Lê    | THPT Hùng Vương           | B1/ 1 |
| 100 | Trần Thị Mỹ          | Liên  | THPT Nguyễn Công Trứ      | B1/ 6 |
| 101 | Nguyễn Từ Phương     | Liên  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 3 |
| 102 | Phạm Thị Thúy        | Liễu  | THPT Tân Phong            | A2/ 1 |
| 103 | Hà Mỹ                | Linh  | CD CN Thủ Đức             | B1/ 4 |
| 104 | Nguyễn Hải Thái      | Linh  | THPT Nguyễn An Ninh       | B2/ 1 |
| 105 | Mai Thị Mỹ           | Linh  | THPT Võ Thị Sáu           | B2/ 2 |
| 106 | Đặng Thị Kiều        | Loan  | THPT Gò Vấp               | A2/ 3 |
| 107 | Nguyễn Thị Hồng      | Loan  | THPT Hoàng Hoa Thám       | A2/ 3 |
| 108 | Lý Tuyết             | Loan  | THPT Marie Curie          | B1/ 1 |
| 109 | Nguyễn Thị Thu       | Loan  | THPT Nam Sài Gòn          | A2/ 2 |
| 110 | Trần Thị Bích        | Loan  | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 111 | Hồ Phạm Diệu         | Loan  | THPT Nguyễn Du            | B2/ 1 |
| 112 | Lê Thị Kim           | Loan  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 3 |
| 113 | Hồ Thị Ánh           | Loan  | THPT Trần Hưng Đạo        | B1/ 4 |
| 114 | Phạm Thị Thu         | Loan  | THPT Trần Khai Nguyên     | B1/ 1 |
| 115 | Nguyễn Minh          | Lộc   | THPT Trưng Vương          | B2/ 1 |
| 116 | Nguyễn Thị Hiền      | Lương | THPT Nguyễn Chí Thanh     | B1/ 3 |
| 117 | Vũ Thị Phương        | Mai   | THPT Lê Quý Đôn           | B2/ 3 |
| 118 | Trịnh Thị            | Mai   | TTDGTX                    | A2/ 1 |
| 119 | Trần Đăng            | Mẫn   | THPT Ngô Quyền            | B1/ 5 |
| 120 | Nguyễn Thị           | Mãng  | THPT Hàn Thuyên           | A2/ 3 |
| 121 | Nguyễn Hùng          | Mạnh  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 3 |
| 122 | Nguyễn Khoa Hồng     | Minh  | CD KT TPHCM               | B2/ 3 |
| 123 | Bùi Thị Ngọc         | Minh  | THPT Hàn Thuyên           | A2/ 3 |



|     |                     |        |                         |       |
|-----|---------------------|--------|-------------------------|-------|
| 124 | Nguyễn Văn          | Minh   | THPT Nguyễn An Ninh     | A2/ 2 |
| 125 | Dư Hồng             | Minh   | THPT Nguyễn Hữu Thọ     | B1/ 1 |
| 126 | Hứa Văn             | Minh   | THPT Phan Đăng Lưu      | B1/ 6 |
| 127 | Đoàn Nguyễn Thụy Ng | Minh   | THPT Trần Đại Nghĩa     | B2/ 3 |
| 128 | Hoàng Kim           | Nam    | THPT Ngô Quyền          | B1/ 2 |
| 129 | Lai Thiên           | Nam    | TTGDTX Chu Văn An       | B2/ 1 |
| 130 | Trịnh Ngọc          | Nam    | TTGDTX Gò Vấp           | A2/ 3 |
| 131 | Huỳnh Thị Kim       | Nên    | TTGDTX Tân Bình         | B1/ 3 |
| 132 | Trần Thị Yên        | Nga    | THPT Nguyễn Thượng Hiền | B1/ 3 |
| 133 | Nguyễn Thị Kiều     | Nga    | THPT Tân Phong          | A2/ 2 |
| 134 | Lê Thị Kim          | Nga    | THPT Trần Đại Nghĩa     | B2/ 3 |
| 135 | Ngô Kim Ngọc        | Nga    | THPT Trần Hưng Đạo      | B2/ 2 |
| 136 | Nguyễn Thị Thu      | Nga    | THPT Võ Thị Sáu         | B1/ 4 |
| 137 | Dương Hồ Mỹ         | Ngân   | THPT Gò Vấp             | B1/ 3 |
| 138 | Phạm Thị Tô         | Ngân   | THPT Tân Phong          | B2/ 1 |
| 139 | Nguyễn Thị Bạch     | Ngân   | THPT Thanh Đa           | A2/ 3 |
| 140 | Lê Hoàng            | Nghĩa  | THPT Nguyễn Hữu Thọ     | B1/ 2 |
| 141 | Trần Thị            | Ngọc   | THPT Hàn Thuyên         | A2/ 3 |
| 142 | Nguyễn Văn          | Ngọc   | THPT Nguyễn Chí Thanh   | B1/ 3 |
| 143 | Phan Nguyễn Bích    | Ngọc   | THPT Sương Nguyệt Anh   | B1/ 2 |
| 144 | Phan Thị Kim        | Ngọc   | TTGDTX Gò Vấp           | A2/ 3 |
| 145 | Phạm Thị Minh       | Nguyên | THPT Ngô Quyền          | A2/ 1 |
| 146 | Lương Thị Minh      | Nguyệt | THPT Hùng Vương         | A2/ 1 |
| 147 | Hà Thị              | Nguyệt | THPT Nguyễn Thượng Hiền | B1/ 3 |
| 148 | Lê Minh             | Nguyệt | THPT Nguyễn Thượng Hiền | B1/ 6 |
| 149 | Nguyễn Thị Ánh      | Nguyệt | THPT Trần Đại Nghĩa     | B2/ 3 |
| 150 | Phan Thị Thanh      | Nhân   | THPT Sương Nguyệt Anh   | B1/ 5 |
| 151 | Trịnh Yên           | Nhi    | THPT Nguyễn Du          | B1/ 2 |
| 152 | Nguyễn Đỗ Quan      | Nhơn   | THPT Nguyễn Thượng Hiền | B1/ 6 |
| 153 | Nguyễn Thị Bích     | Như    | THPT Hùng Vương         | B1/ 2 |
| 154 | Đoàn Thị Tuyết      | Như    | THPT Phú Nhuận          | B1/ 6 |
| 155 | Đàm Thanh           | Nhung  | THPT Sương Nguyệt Anh   | B1/ 1 |
| 156 | Nguyễn Thị Hồng     | Nhung  | THPT Trần Hưng Đạo      | B2/ 2 |
| 157 | Vũ Văn              | Nhật   | THPT Gia Định           | B2/ 2 |
| 158 | Trần Gia            | Phát   | THPT THPT Trần Hưng Đạo | B1/ 4 |
| 159 | Nguyễn Thị Kim      | Phú    | CĐ CN Thủ Đức           | A2/ 3 |
| 160 | Nguyễn Thị Kim      | Phú    | TTGDTX Q3               | A2/ 1 |
| 161 | Trương Thị Hoàng    | Phụng  | THPT Phan Đăng Lưu      | B2/ 2 |
| 162 | Trần Ngọc Hữu       | Phước  | THPT Bùi Thị Xuân       | B2/ 3 |
| 163 | Kiều Thị Hồng       | Phước  | THPT Nguyễn Trãi        | B1/ 1 |
| 164 | Nguyễn Thị Thanh    | Phương | THPT Gia Định           | B2/ 4 |
| 165 | Đỗ Thị              | Phương | THPT Hàn Thuyên         | A2/ 3 |
| 166 | Mai Lan             | Phương | THPT Lê Quý Đôn         | B2/ 1 |



|     |                   |        |                           |       |
|-----|-------------------|--------|---------------------------|-------|
| 167 | Trần Thị Xuân     | Phương | THPT Nam Sài Gòn          | A2/ 2 |
| 168 | Nguyễn Minh       | Phương | THPT Nguyễn Du            | A2/ 2 |
| 169 | Phạm Thị Hồng     | Phương | THPT Nguyễn Thái Bình     | B1/ 3 |
| 170 | Lâm Thành         | Phương | THPT Nguyễn Trãi          | B1/ 2 |
| 171 | Nguyễn Kim        | Phượng | CD KT-KT Phú Lâm          | A2/ 1 |
| 172 | Nguyễn Kim        | Phượng | THPT Trần Đại Nghĩa       | B1/ 2 |
| 173 | Nguyễn Thị Minh   | Quý    | CD KT Lý Tự Trọng         | B1/ 3 |
| 174 | Trương Thị Tố     | Quyên  | THPT Nguyễn Hữu Thọ       | A2/ 1 |
| 175 | Hồ Tân            | Quyên  | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 1 |
| 176 | Nguyễn Thị Quyên  | Quyên  | THPT Trưng Vương          | B1/ 1 |
| 177 | Võ Hoàng          | Sa     | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B1/ 3 |
| 178 | Nguyễn Thị Thu    | Tâm    | CD KT Lý Tự Trọng         | A2/ 3 |
| 179 | Nguyễn Thị Minh   | Tâm    | THPT Phan Đăng Lưu        | B1/ 6 |
| 180 | Nguyễn Minh       | Tân    | THPT Trần Đại Nghĩa       | B2/ 3 |
| 181 | Phan Vũ Bằng      | Thạch  | THPT Lý Tự Trọng          | A2/ 3 |
| 182 | Trương Thế        | Thạch  | THPT Nguyễn Trung Trực    | B1/ 3 |
| 183 | Nguyễn Thị        | Thái   | THPT Nguyễn Khuyến        | A2/ 2 |
| 184 | Nguyễn Thị Hồng   | Thăm   | CD KT-KT Phú Lâm          | B2/ 1 |
| 185 | Phùng Thị Kim     | Thanh  | THPT THPT Hùng Vương      | B1/ 2 |
| 186 | Lê Sĩ             | Thanh  | THPT Nguyễn Công Trứ      | A2/ 3 |
| 187 | Trần Hà           | Thanh  | THPT Phan Đăng Lưu        | B1/ 4 |
| 188 | Ngô Thị           | Thanh  | THPT Trương Nguyệt Anh    | B1/ 1 |
| 189 | Nguyễn Thị Kim    | Thanh  | THPT Trần Hưng Đạo        | B1/ 6 |
| 190 | Nguyễn Thị Thanh  | Thanh  | THPT Trần Hữu Trang       | A2/ 1 |
| 191 | Phạm Hoàng Minh   | Thảo   | CD CN Thủ Đức             | B1/ 4 |
| 192 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Thảo   | THPT Gò Vấp               | A2/ 3 |
| 193 | Mai Trần Thanh    | Thảo   | THPT Hoàng Hoa Thám       | B1/ 4 |
| 194 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | THPT Nguyễn Hữu Thọ       | A2/ 1 |
| 195 | Hồ Hoàng          | Thảo   | THPT Nguyễn Thị Diệu      | B1/ 5 |
| 196 | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B1/ 1 |
| 197 | Nguyễn Nhật       | Thảo   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | B2/ 1 |
| 198 | Võ Đặng Thanh     | Thảo   | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | A2/ 3 |
| 199 | Phạm Ngọc Nguyên  | Thảo   | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B2/ 2 |
| 200 | Huỳnh Thị Xuân    | Thảo   | THPT Võ Thị Sáu           | B1/ 4 |
| 201 | Nguyễn Văn        | Thiên  | THPT Gò Vấp               | A2/ 3 |
| 202 | Hoàng Đức         | Thịnh  | THPT Hoàng Hoa Thám       | B1/ 6 |
| 203 | Lê Thị Kim        | Thoa   | THPT Nguyễn Trãi          | A2/ 1 |
| 204 | Phan Lê Vĩnh      | Thông  | CD CN Thủ Đức             | B2/ 4 |
| 205 | Nguyễn Xuân       | Thu    | THPT Nguyễn An Ninh       | A2/ 2 |
| 206 | Hoàng Thị Mộng    | Thu    | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | B2/ 4 |
| 207 | Hoàng Nhật Quỳnh  | Thư    | THPT Diên Hồng            | B1/ 2 |
| 208 | Lê Thị Anh        | Thư    | THPT Trần Khai Nguyên     | B1/ 1 |
| 209 | Trần Lã Anh       | Thư    | THPT Trưng Vương          | B2/ 1 |



|     |                   |       |                          |       |
|-----|-------------------|-------|--------------------------|-------|
| 210 | Nguyễn Thị Thanh  | Thuận | THPT Hùng Vương          | B1/ 1 |
| 211 | Bùi Thị           | Thủy  | THPT Lê Thánh Tôn        | A2/ 1 |
| 212 | Nguyễn Thị Thanh  | Thủy  | CĐ CNThù Đức             | B1/ 4 |
| 213 | Lê Ngọc           | Thủy  | TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh | B1/ 1 |
| 214 | Trương Thị Thanh  | Thủy  | THPT Trần Hưng Đạo       | B2/ 4 |
| 215 | Nguyễn Nhật Thanh | Thủy  | THPT Trần Khai Nguyên    | B1/ 5 |
| 216 | Võ Kim            | Thủy  | TTGDTX Chu Văn An        | B1/ 5 |
| 217 | Nguyễn Nhật Đan   | Thủy  | THPT Nguyễn Công Trứ     | B1/ 6 |
| 218 | Lê Đan            | Thủy  | THPT Nguyễn Thái Bình    | B1/ 3 |
| 219 | Vương Thanh       | Thủy  | CĐ KT Lý Tự Trọng        | B1/ 3 |
| 220 | Trần Như          | Thủy  | THPT Gia Định            | B1/ 4 |
| 221 | Nguyễn Thị Xuân   | Thủy  | THPT Marie Curie         | A2/ 1 |
| 222 | Võ Thanh          | Thủy  | THPT Nguyễn Khuyến       | A2/ 2 |
| 223 | Phạm Thị Lệ       | Thủy  | THPT Nguyễn Trung Trực   | A2/ 3 |
| 224 | Trần Thị Thanh    | Thủy  | THPT Phan Đăng Lưu       | B1/ 6 |
| 225 | Trần Thị          | Thủy  | THPT Tân Phong           | B1/ 1 |
| 226 | Trần Ngọc         | Thủy  | THPT Thanh Đa            | B1/ 4 |
| 227 | Trần Thị Hồng     | Thủy  | THPT Trần Đại Nghĩa      | B2/ 3 |
| 228 | Trần Kim          | Thủy  | TTGDTX Chu Văn An        | A2/ 1 |
| 229 | Nguyễn Thị Ngọc   | Thủy  | THPT Võ Thị Sáu          | B1/ 4 |
| 230 | Trần Vân          | Thy   | THPT Nguyễn Thượng Hiền  | B2/ 2 |
| 231 | Trần Ngọc Thủy    | Tiên  | THPT Gò Vấp              | B1/ 3 |
| 232 | Chu Thị Thủy      | Tiên  | THPT Nguyễn Công Trứ     | B2/ 4 |
| 233 | Nguyễn Thị Thủy   | Tiên  | TC KT&NV Nam Sài Gòn     | A2/ 2 |
| 234 | Phạm Nguyễn Bảo   | Toàn  | THPT Trần Đại Nghĩa      | B2/ 3 |
| 235 | Nguyễn Thị Thanh  | Trà   | THPT Ten Lơ Man          | B1/ 2 |
| 236 | Võ Thị Quê        | Trần  | THPT Lê Thánh Tôn        | A2/ 1 |
| 237 | Trần Thụy         | Trang | THPT Hàn Thuyên          | A2/ 3 |
| 238 | Bùi Thị Diễm      | Trang | THPT Nguyễn Thái Bình    | A2/ 3 |
| 239 | Nguyễn Ngọc Thủy  | Trang | THPT Nguyễn Thượng Hiền  | B2/ 4 |
| 240 | Nguyễn Thị Thu    | Trang | THPT Tân Phong           | B1/ 2 |
| 241 | Nguyễn Phạm Thủy  | Trang | THPT Trần Đại Nghĩa      | B2/ 1 |
| 242 | Lê Thị Hoàng      | Trang | THPT Trần Khai Nguyên    | B1/ 1 |
| 243 | Trần Thị Huyền    | Trang | TTGDTX Q4                | B1/ 2 |
| 244 | Tiêu Phan Cẩm     | Trang | THPT Võ Thị Sáu          | B1/ 4 |
| 245 | Phan Dương Hải    | Triều | THPT Nguyễn Thái Bình    | B1/ 3 |
| 246 | Nguyễn Cao Tú     | Trình | THPT Hoàng Hoa Thám      | B1/ 4 |
| 247 | Nguyễn Thị Yến    | Trình | THPT Nguyễn Du           | A2/ 1 |
| 248 | Phan Nữ Tô        | Trình | THPT Nguyễn Khuyến       | B1/ 2 |
| 249 | Phạm Thị Thanh    | Trúc  | CĐ KT-KT Phú Lâm         | B2/ 1 |
| 250 | Nguyễn Trung      | Trúc  | THPT Lê Thánh Tôn        | B1/ 1 |
| 251 | Hồ Đình           | Trúc  | THPT Lê Thánh Tôn        | B1/ 5 |
| 252 | Nguyễn Thị Mỹ     | Tú    | THPT Hùng Vương          | B1/ 5 |



|     |                 |       |                          |       |
|-----|-----------------|-------|--------------------------|-------|
| 253 | Mai Thị Mỹ      | Tú    | THPT Nguyễn Công Trứ     | B2/ 2 |
| 254 | Lê Thị Cẩm      | Tú    | THPT Nguyễn Khuyến       | A2/ 2 |
| 255 | Đoàn            | Tuấn  | THPT Ten Lơ Man          | B2/ 1 |
| 256 | Hùynh Gia       | Tùng  | THPT Trưng Vương         | B1/ 1 |
| 257 | Trần Đại Xuân   | Tước  | THPT Phú Nhuận           | B2/ 2 |
| 258 | Lê Thị Ngọc     | Tuyền | THPT Nam Sài Gòn         | B1/ 1 |
| 259 | Lê Anh          | Tuyền | THPT Nguyễn Du           | A2/ 2 |
| 260 | Đoàn Thị Ngọc   | Tuyền | TC KT&NV Nam Sài Gòn     | B1/ 1 |
| 261 | Trần Bạch       | Tuyết | CD KT Lý Tự Trọng        | A2/ 3 |
| 262 | Trần Thụy Uyên  | Uyên  | THPT Lê Hồng Phong       | B1/ 2 |
| 263 | Lâm Nguyễn Hạnh | Uyên  | THPT Lê Thánh Tôn        | B1/ 2 |
| 264 | Lê Lâm Thảo     | Uyên  | THPT Nguyễn Trãi         | B2/ 3 |
| 265 | Nguyễn Thị Thu  | Vân   | THPT Gò Vấp              | B1/ 3 |
| 266 | Đào Khánh       | Vân   | THPT Lê Quý Đôn          | B1/ 1 |
| 267 | Trần Thị Thanh  | Vân   | TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh | B1/ 1 |
| 268 | Hoàng Thị Thanh | Vân   | THPT Trần Đại Nghĩa      | B2/ 1 |
| 269 | Lê Anh          | Vân   | THPT Lý Tự Trọng         | A2/ 3 |
| 270 | Phan Thành      | Việt  | THPT Gò Vấp              | B1/ 3 |
| 271 | Phạm Quốc       | Vinh  | THPT Hàn Thuyên          | B1/ 4 |
| 272 | Dương Quang     | Vinh  | THPT Nguyễn Hữu Thọ      | A2/ 1 |
| 273 | Nguyễn Ngọc Ước | Xuân  | THPT Nguyễn Khuyến       | A2/ 2 |
| 274 | Phạm Thanh      | Yên   | THPT Trần Đại Nghĩa      | B2/ 3 |

*Tổng cộng danh sách có 274 người.*